

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **253/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-6-2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Thịnh Quang Thắng.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Dương Xuân Đỉnh**

2/ Bà **Hoàng Thị Hòa**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hồng Chiêm** – Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 701/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2020. Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST ngày 26/5/2020. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hán G** - Sinh năm 1972; HKTT: Tổ 38, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội; Chỗ ở: Tiểu Đoàn 4, Trường trung cấp kỹ thuật phòng không không quân, xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị M** - Sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ 38, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội. Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1950; Trú tại: Số nhà 25, B6, Tổ 38, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội; Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2019, các lời khai bổ sung, ông Nguyễn Hán G - nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân : Ông và bà Nguyễn Thị M tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 05/02/2001 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng do tính chất

công việc nên ông và bà M chung sống tại thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng đặc biệt căng thẳng là từ đầu năm 2019 đến nay. Nguyên nhân chính là do bất đồng về nuôi dạy chăm sóc con khiến cho tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, căng thẳng nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Ông xác định vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị Linh A, sinh ngày 10/01/2001 và Nguyễn Thị Minh A1, sinh ngày 22/10/2007. Ly hôn, ông nhất trí để bà M trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đối với cháu Linh A đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc bà M yêu cầu cấp dưỡng 1.500.000đ/ tháng thì ông không nhất trí.

- Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ông có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm có 01 căn nhà 2 tầng trên diện tích đất 44m² tại Số nhà 22, B6, tổ 38, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội. Ngày 07/01/2020, ông có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung.

- Về nợ chung: Ngày 10/4/2015 vợ chồng ông có vay bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950, hiện ở số nhà 25, B6, Tổ 38, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu) đồng để trả nợ tiền làm nhà. Nay ông đề nghị bà M phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên cho bà T.

*** Bà Nguyễn Thị M là bị đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân :Bà và ông Nguyễn Hán G tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 05/02/2001 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng đặc biệt căng thẳng là từ đầu năm 2019 đến nay. Nguyên nhân chính là do bất đồng về nuôi dạy chăm sóc con khiến cho tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông G cương quyết xin ly hôn thì bà cũng nhất trí ly hôn để giải phóng cho ông G và để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà nhất trí là vợ chồng chị có 02 con chung như ông G trình bày. Trường hợp ly hôn đối với con chung Nguyễn Thị Linh A đã thành niên thì bà không có ý kiến hay yêu cầu gì nhưng đối với con chung Nguyễn Thị Minh A1 thì bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, bà yêu cầu ông G phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với bà là 1.500.000đ/ tháng.

- Về tài sản chung: Bà xác định không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và bà cũng không trình bày hay kê khai gì.

- Về nợ chung: Bà không đồng ý về khoản nợ ông G trình bày vì khi vay bà không biết gì mà mãi sau này bà nghe nói lại trong khi đó từ năm 2017 đến nay ông G không có trách nhiệm gì với mẹ con bà. Đồng thời hiện nay bà cũng rất khó khăn nên ông G phải có trách nhiệm trả cho bà T. Nay ông G cương quyết yêu cầu bà phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T thì bà đề nghị nợ chung này mỗi người phải chịu trách nhiệm $\frac{1}{2}$ trả cho bà T là 15.000.000đ.

* Bà T trình bày: Bà là hàng xóm liền kề với vợ chồng ông G, bà M thì thường xuyên có qua lại với nhau. Do vậy, thực tế ông G, bà M chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, chủ yếu là bất đồng về cách dạy dỗ, chăm sóc con. Về số tiền nợ: Ngày 10/4/2015 vợ chồng ông G, bà M là hàng xóm liền kề với nhà bà có sang nhà bà hỏi vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để lợp mái chống nóng nhưng sau đó ông G, bà M thực tế làm gì thì bà không biết. Việc vay tiền này có viết giấy và ông G là người ký giấy vay nợ. Khi đó, vì nghĩ tình làng xóm nên bà cho vay, nay ông G, bà M làm thủ tục ly hôn thì ông G, bà M có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ trên cho bà.

Tại phiên tòa:

+ Ông G vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn bà M; Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Linh A, sinh ngày 10/01/2001 và Nguyễn Thị Minh A1, sinh ngày 22/10/2007. Ly hôn, cháu Linh A đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Minh A1, ông nhất trí để bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, ông nhất trí cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Minh A1 với bà M là 1.500.000đ/ tháng; Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Ông xác định khoản nợ bà T là nợ chung của vợ chồng nên ly hôn mỗi người phải có trách nhiệm trả bà T $\frac{1}{2}$ = 15.000.000đ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy căn cứ xin ly hôn của ông G là hợp pháp, việc ông G xin ly hôn bà M là có căn cứ nên được chấp nhận. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Linh A, sinh ngày 10/01/2001 và Nguyễn Thị Minh A1, sinh ngày 22/10/2007. Ly hôn, ông G nhất trí để bà M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Minh A1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung đối với cháu Linh A do cháu Linh A đã thành niên. Xét, yêu cầu của ông G là hợp pháp và phù hợp với nguyện vọng của bà M. Đề nghị giáo cháu Minh A1 cho bà M nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông G phải cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung với bà M là 1.500.000đ/ tháng, kể từ tháng 6/2020.

Về tài sản chung: ông G rút yêu cầu về chia tài sản chung và không yêu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xử giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn do rút yêu cầu và không không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu chia nợ chung của ông G. Buộc ông G, bà M mỗi người phải có trách nhiệm trả bà T $\frac{1}{2}$ số tiền đã vay là 15.000.000đ.

Về án phí: Ông G phải chịu cả án phí LHST, cấp dưỡng nuôi con và các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về vấn đề chia nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật:** Ông G có đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị M 05/2/2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội. Ông G xin ly hôn bà Nguyễn Thị M. Bà M hiện đang cư trú tại tổ 38, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về tố tụng:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa cho bà Nguyễn Thị M nhưng bà M vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Ông G và bà M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà thường xuyên mâu thuẫn. Đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là theo ông bà là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái nên vợ chồng không còn tình cảm. Bà M, ông G đều xác định vợ chồng đã sống ly thân. Nay ông G cương quyết xin ly hôn, bà M đồng ý. Xét mâu thuẫn giữa ông G và bà M đã quá căng thẳng và trầm trọng không thể hàn gắn được, ông, bà đã sống ly thân từ lâu, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông G xin ly hôn với bà M là có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật. Vì vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông G là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông G, bà M có 02 con chung là Nguyễn Thị Linh A, sinh ngày 10/01/2001 và Nguyễn Thị Minh A1, sinh ngày 22/10/2007. Cháu Ánh đã thành niên nên các bên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Minh A1 chưa thành niên, hiện đang ở với bà M. Ly hôn, ông bà đều thống nhất để bà M nuôi dưỡng cháu Minh A1. Xét yêu cầu của ông G bà M là tự nguyện nên giao cháu Minh A1 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Minh A1 với bà là 1.500.000đ/1 tháng. Ông G cũng đồng ý. Hiện nay cháu Minh A1 đang do bà M nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của các bên là phù hợp với thực tế và phù hợp với pháp luật nên buộc ông G phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Minh A1 cho bà M mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2020.

[4] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ông G có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm có 01 căn nhà 2 tầng trên diện tích đất 44m² tại Số nhà 22, B6, tổ 38, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội. Ngày 07/01/2020, ông G có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung. Xét yêu cầu xin rút yêu cầu chia tài sản chung của ông G là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức và không bị ai ép buộc nên được chấp nhận. Do đó, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông G.

[5] Về nợ chung: Ông G xác định ngày 10/4/2015 vợ chồng anh có vay bà Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu) đồng để trả nợ tiền làm nhà. Nay anh đề nghị bà M phải có trách nhiệm trả 1/2 khoản nợ trên cho bà T. Bà M xác nhận có khoản nợ này và yêu cầu mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ = 15.000.000đ. Bà T yêu cầu vợ chồng ông G, bà M phải trả số tiền trên. Xét yêu cầu về nợ chung: ông G, bà M đều thống nhất số tiền 30.000.000đ ông G vay của bà T là nợ chung. Do đó xác định khoản nợ này là nợ chung của ông G, bà M. Nay ông bà ly hôn mỗi người phải có trách nhiệm trả bà T $\frac{1}{2}$ số tiền đã vay là 15.000.000đ. Vì vậy buộc ông G, bà M mỗi người phải trả bà T $\frac{1}{2}$ số tiền đã vay là 15.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, 750.000đ án phí DSST. Bà M phải chịu 750.000đ án phí DSST. Hoàn trả phần án phí còn lại cho anh Giáp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Hán G đối với bà Nguyễn Thị M. Ông Nguyễn Hán G được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Ông G, bà M có 02 con chung là Nguyễn Thị Linh A, sinh ngày 10/01/2001 và Nguyễn Thị Minh A1, sinh ngày 22/10/2007. Cháu Linh A đã thành niên, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Giao cháu Nguyễn Minh A1 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông G phải cấp dưỡng nuôi con chung với bà M là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Hán G là 01 căn nhà 2 tầng trên diện tích đất 44m² tại Số nhà 22, B6, tổ 38, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội do ông G có đơn xin rút yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Xác định ông G, bà M nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000đ. Ông G, bà M mỗi người phải có trách nhiệm trả bà T số tiền là 15.000.000đ.

4. Về án phí: Ông G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, 750.000đ án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 12.300.000 đồng, theo biên lai số AA/2018/0015246 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Hoàn trả ông G số tiền 10.950.000 đồng. Bà M phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Ông Nguyễn Hán G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS Đông Anh
- THA Đông Anh.
- TAND thành phố Hà Nội
- UBND thị trấn Đ
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thịnh Quang Thắng